

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 - 6 - 2020  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Bình An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Đới

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1146/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Q, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Chị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Anh A có mặt, chị N xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, anh A trình bày:* Anh và chị N chung sống với nhau vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh và chị N chung sống có hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp thường xuyên cãi vã nhau, nên anh và chị N đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2013 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N có 01 con chung tên Hà Thị Tâm Y, sinh ngày 29/4/2010 hiện nay do chị N đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên anh xin ly hôn với chị N. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng.

*Chị N là bị đơn trình bày:* Chị xác định về thời gian, điều kiện chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung theo lời trình bày của anh A là đúng. Thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh A không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không phù hợp chị và anh A đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2013 cho đến nay.

Nay anh A xin ly hôn chị đồng ý, khi ly hôn xin được nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 01/6/2020 của Hà Thị Tâm Y xác định khi chị N và anh A ly hôn thì Tâm Y có nguyện vọng sống với chị N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và anh A có đơn đề nghị không hòa giải vụ án, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Anh A xin ly hôn với chị N là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Chị N là bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp T, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Chị N có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Anh A cho rằng anh và chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 02 năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc

sống vợ chồng không phù hợp thường xuyên cãi vã nên anh và chị N đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2013 cho đến nay.

Đối với chị N có lời trình bày xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và Anh A không còn hạnh phúc, do cuộc sống vợ chồng không phù hợp thường xuyên cãi nhau, chị và anh A đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2013 cho đến nay. Nên chị đồng ý ly hôn với anh A.

Tuy nhiên, do anh A và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận anh A và chị N là vợ chồng.

2.2. Về con chung: anh A và chị N chung sống có 01 con chung tên Hà Thị Tâm Y sinh ngày 29 tháng 4 năm 2010 hiện do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N xin tiếp tục được nuôi con chung. Đối với anh A thì anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi. Thấy rằng sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa anh A và chị N là phù hợp với pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tâm Như, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt, nhưng tại bản tự khai chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Anh A và chị N khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

2.4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị N về việc “Xin ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh A và chị N là vợ chồng.

- Về con chung: Chị N được tiếp tục nuôi con tên Hà Thị Tâm Y, sinh ngày 29/4/2010(hiện do chị N đang nuôi dưỡng). Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí: Buộc anh A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí anh A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004010 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, như vậy anh A không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Bình An**

